TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số: 38/2022/DS-ST
Ngày: 28 -6-2022
V/v "tranh chấp về việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Hồng Lưu

2/ Ông Nguyễn Hữu Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ.

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc "tranh chấp về việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Trần Thị Mười Nh, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Thới Hòa A, thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Người có quyền lợi và Ng vụ liên quan:*** Bà Trần Thị L, sinh năm 1960 (từ chối tố tụng).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Mười Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trong khoảng thời gian từ năm 2002 – 2003 bà Trần Thị Mười Nh và ông Nguyễn Văn D quen biết và tìm hiểu nhau, được gia đình đồng ý nên cả 02 tiến tới hôn nhân vào năm 2003, gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống tại nhà của cha mẹ ruột bà Nh thuộc ấp Đông Mỹ, xã Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, sau đó, vợ chồng ra sống riêng cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc như mong muốn. Nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng là do ông D không quan tâm chăm sóc gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ, con, mỗi khi ông D ăn nhậu về là kiếm chuyện với vợ con, nhiều lần ông D hành hung đánh đập bà Nh và các con khiến cho đời sống hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Nay bà Trần Thị Mười Nh cho rằng không còn tình cảm gì với ông Nguyễn Văn D nên đề nghị Tòa án xem xét không công nhận bà Trần Thị Mười Nh với ông Nguyễn Văn D là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà Trần Thị Mười Nh và ông Nguyễn Văn D có một con chung tên Trần Hữu Ng, sinh năm 2004. Hiện anh Trần Hữu Ng đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án xem xét nuôi con chung.

Về tài sản chung: Giữa bà Nh và ông D chung sống không tạo lập được tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Nợ chung: Nợ bà Trần Thị L là chị ruột của bà Nh số tiền 37.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K. Bà Nh không yêu cầu ông D liên đới trả số nợ này mà một mình bà Nh tự trả số nợ này cho bà Trần Thị L.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trong bản tự khai và tại phiên tòa trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn D quen biết bà Trần Thị Mười Nh vào khoảng năm 2002 đến năm 2003 thì tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn ông D bà Trần Thị Mười Nh sống tại nhà cha mẹ vợ thuộc Ấp Đ, xã Đ, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Do cuộc sống ở quê khổ cực nên ông D và bà Nh ra chợ mua bán, sinh sống. Vào năm 2004 ông D cùng vợ con về chợ Nóc Bằng thuộc xã Thới Đông mua đất cất nhà ở, sau đó nhà bị giải tỏa nên ông D cùng bà Nh về Ấp T, thị trấn C, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng là do bà Nh có quan hệ không đúng mực với bạn bè, đặc biệt là bạn bè khác giới, bản thân bà Nh là phụ nữ nhưng thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, nhiều lần ông D nhắc nhở nhưng bà Nh không chịu nghe từ đó vợ chồng cãi nhau trong lúc nóng giận ông có đánh bà Nh bạt tay, hiện ông còn thương bà Nh nhưng bà Nh kiên quyết không chịu chung sống với ông D nên ông D cũng đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Mười Nh có một con chung tên Trần Hữu Ng, sinh năm 2004. Hiện anh Trần Hữu Ng đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án xem xét nuôi con

chung.

Về tài sản chung: Gồm có một căn nhà và đất tại khu chỉnh trang đô thị của huyện Cờ Đỏ, tuy nhiên ông D không yêu cầu chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về Ng vụ chung: Vợ chồng có nợ bà Trần Thị L là chị ruột của bà Trần Thị Mười Nh số tiền 37.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K. Nay ông Nguyễn Văn D đồng ý liên đới cùng bà Trần Thị Mười Nh trả số nợ này cho bà Trần Thị L.

Người có quyền lợi và Ng vụ liên quan:

Bà Trần Thị L qua biên bản tự khai trình bày: Trước đây, bà có cho em ruột của bà là bà Trần Thị Mười Nh vay số tiền 37.000.000 đồng và 01 cây vàng 24K để mua đất và cất nhà ở, do chỗ chị em ruột trong gia đình nên không có lập biên nhận nợ. Số nợ này bà Trần Thị L không yêu cầu bà Trần Thị Mười Nh và ông Nguyễn Văn D phải thực hiện Ng vụ trả nợ trong vụ án này, khi nào bà Trần Thị Mười Nh có tiền thì trả cho bà chứ bà L không yêu cầu. Do vậy, bà Trần Thị L xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét, bà Trần Thị Mười Nh và ông Nguyễn Văn D chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Do vậy, khi phát sinh tranh chấp Tòa án xem xét giải quyết theo quan hệ pháp luật: tranh chấp về việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Văn D có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của các đương sự về việc chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân không đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Xét thấy, việc bà Trần Thị Mười Nh và ông Nguyễn Văn D chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Trên cơ sở đó việc bà Trần Thị Mười Nh yêu cầu Tòa án xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn D là đúng theo quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con: Xét quá trình chung sống bà Trần Thị Mười Nh và ông Nguyễn Văn D có một con chung tên là Trần Hữu Ng – sinh năm 2004, xét anh Ng đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không xem xét việc nuôi con chung.

[4] Về việc chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Mười Nh cho ông D 02 chỉ vàng 24K.

[5] Về Ng vụ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bà Trần Thị Mười Nh phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mười Nh về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Mười Nh và ông Nguyễn Văn D là vợ chồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Mười Nh về việc bà Nh hỗ trợ cho ông D 02 chỉ vàng 24K (loại vàng 98%).

4. Về án phí: Bà Trần Thị Mười Nh phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009232 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết hay tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các